

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I – MÔN HÓA HỌC LỚP 12

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			% Tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian (phút)	
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	I. Este - lipit	I.1. Este	5	3,75	6	6	3	6	1	3	15		29	60%
		I.2. Lipit	3	2,25	4	4	2	4			9			
2	II. Cacbohidrat	II.1. Công thức chung, phân loại	4	3							4		16	40%
		II.2. Tính chất vật lý, trạng thái tự nhiên, ứng dụng, cấu tạo	3	2,25	2	2					5			
		II.3. Tính chất hóa học	1	0,75	4	4	2	4			7			
Tổng			16	12	16	16	7	14	1	3	40		45	
Tỉ lệ %			40%		40%		17,5%		2,5%					100%
Tỉ lệ chung			80%				20%							

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: HÓA HỌC 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	I. Este - lipit	I.1. Este	Nhận biết: - CTTQ este no, đơn chức. - Cho các CTCT, xác định este. - Định nghĩa este. - Nhận diện CTCT este. - Liệt kê các loại este. - Phương pháp điều chế bằng phản ứng este hoá. - Ứng dụng của một số este tiêu biểu. Thông hiểu: - Xác định số đồng phân este: $C_2H_4O_2$, $C_3H_6O_2$, $C_4H_8O_2$ - Cho CTCT gọi tên - Cho tên viết CTCT - So sánh nhiệt độ sôi (ancol, este, axit) - Xác định sản phẩm thủy phân este $RCOOR'$ tạo ancol, muối, andehit. - Xác định CTCT từ CTPT của axit fomic, axetic, ancol metylic,	5	6	3	1

			ancol etylic Vận dụng thấp: - Giải bài tập đốt cháy tìm công thức este no đơn chức. - Tính khối lượng chất rắn từ phản ứng xà phòng hóa este. - Tính hiệu suất phản ứng este hóa. - Tìm CTCT từ phản ứng thủy phân. - Tính khối lượng sản phẩm từ các phản ứng của este. Vận dụng cao: - Toán tổng hợp este - Xác định số đồng phân este không no hoặc có vòng				
		I.2. Lipit	Nhận biết: - Khái niệm và phân loại lipit. - Khái niệm chất béo, biết công thức cấu tạo chất béo. Gọi tên chất béo cơ bản. - Tính chất vật lí (trạng thái, tính tan). - Tính chất hoá học (tính chất chung và phản ứng hiđro hoá chất béo lỏng). - Ứng dụng của chất béo. Thông hiểu: - So sánh đặc điểm phản ứng thủy phân chất béo trong môi trường axit và bazơ. - Dựa vào tính chất hóa học xác định chất béo hoặc sản phẩm phản ứng thủy phân chất béo ở mức độ đơn giản. - Xác định số liên kết pi trong chất béo	3	4	2	

			- Cách chuyển hoá chất béo lỏng thành chất béo rắn, phản ứng oxi hoá chất béo bởi oxi không khí. Vận dụng: - Tính khối lượng chất béo dựa vào phản ứng xà phòng hóa - Xác định số đồng phân của chất béo từ các axit béo.				
2	II. Cacbohidrat	II.1. Công thức chung glucit, phân loại	Nhận biết: - Phân loại mono, Di, Poli. - CTPT của G, F, S, Tb, X - Ứng dụng (G, S, X) - So sánh độ ngọt của cacbohidrat. - Đặc điểm chung của các glucit. - Số C, H, O trong phân tử G, F, S, Tb, X	4			
		II.2. Tính chất vật lý, trạng thái tự nhiên, cấu tạo	Nhận biết: - Công thức của sobitol, thuốc súng không khói, ancol etylic. - Tính chất vật lý - Trạng thái tự nhiên - Ứng dụng Thông hiểu: - Cấu tạo S, Tb (amilozo, amilopectin) , X - Đồng phân và không đồng phân của nhau.	3	2		

		Nhận biết: - Tên của một số phản ứng: xà phòng hóa, Hidro hóa - Đặc điểm phản ứng thủy phân môi trường axit và bazơ Thông hiểu: - Chất tham gia tráng gương. - Chất tác dụng với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ t° thường. - Chất thủy phân, cộng H_2, iot. - Chất axit tạo thuốc súng không khói. - Nhận biết - Chất oxi hóa và khử trong các phản ứng Thông hiểu: - Tính m G hoặc Ag trong phản ứng tráng gương. - Tính khối lượng các chất từ phản ứng xenlulozơ tác dụng với axitnitric - Tính khối lượng các chất từ phản ứng lên men rượu có hiệu suất phản ứng. - Tính khối lượng Ag hoặc glucozơ thu được khi thủy phân saccarozơ, tinh bột và xenlulozơ, rồi cho sản phẩm tham gia phản ứng tráng bạc.	1	4	2	
			16	16	7	1